

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 25/4/2022

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Ông Trần Văn Chánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2022/QĐST-DS ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Tô Thị Minh Ch, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 436/27, tổ 18, khu 5, ấp 2, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Ông Đồng Xuân H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Hẻm 227, tổ 16, khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thúy Nh, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Hẻm 227, tổ 16, khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(bà Ch có đơn xin vắng mặt; ông H và bà Nh vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Tô Thị Minh Ch trình bày:

Vào 26/7/2020, bà có cho vợ chồng ông H, bà Nh vay số tiền 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất thoả thuận là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Tiếp theo vào ngày 19/8/2020, vợ chồng ông H, bà Nh có vay thêm của bà số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) với mức lãi suất thoả thuận là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, thời hạn vay là 03 tháng; Mục đích vay để mua đất. Cả hai lần vay tiền thì ông H, bà Nh đều có viết giấy vay tiền và cả hai vợ chồng cùng ký xác nhận trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng ông H, bà Nh không trả cho bà tiền gốc và tiền lãi theo thoả thuận. Do vậy, bà Ch có đơn khởi kiện ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà Nh cùng phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 1.020.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất thoả thuận kể từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 25/4/2022, cụ thể như sau:

- Tiền lãi của số tiền 520.000.000đ (từ ngày 26/8/2020 đến ngày 25/4/2022 là 19 tháng 29 ngày). Cụ thể số tiền lãi là:  $(19 \text{ tháng} \times 5.000.000\text{đ}) = 95.000.000\text{đ}$ ;  $(5.000.000\text{đ} : 30 \text{ ngày}) \times 29 \text{ ngày} = 4.833.000\text{đ}$ . Tổng cộng là  $95.000.000\text{đ} + 4.833.000\text{đ} = 99.833.000\text{đ}$ .

- Tiền lãi của số tiền 500.000.000đ (từ ngày 19/8/2020 đến ngày 25/4/2022 là 20 tháng 06 ngày). Cụ thể số tiền lãi là:  $(20 \text{ tháng} \times 5.000.000\text{đ}) = 100.000.000\text{đ}$ ;  $(5.000.000\text{đ} : 30 \text{ ngày}) \times 06 \text{ ngày} = 1.000.000\text{đ}$  (lấy tròn số). Tổng cộng  $100.000.000\text{đ} + 1.000.000\text{đ} = 101.000.000\text{đ}$ .

Tổng cộng cả gốc và tiền lãi bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà Nh cùng phải có nghĩa vụ phải trả cho bà là:  $1.020.000.000\text{đ} + (99.833.000\text{đ} + 101.000.000\text{đ}) = 1.220.833.000\text{đ}$ .

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Đồng Xuân H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thuý Nh: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông H và bà Nh; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có kèm theo Đơn khởi kiện, giấy vay tiền ngày 26/7/2020, giấy vay tiền ngày 19/8/2020; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc

khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

*- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy nguyên đơn bà Tô Thị Minh Ch khởi kiện bị đơn ông Đồng Xuân H về việc yêu cầu ông H cùng vợ là bà Nguyễn Thuý Nh trả số tiền nợ gốc 1.020.000.000đ và tiền lãi của hai khoản vay là 200.833.000đ, là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H, bà Nh cùng có nghĩa vụ phải trả cho bà Ch số tiền trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Tô Thị Minh Ch là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Đồng Xuân H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thuý Nh, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H và bà Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Tô Thị Minh Ch nộp đơn khởi kiện bị đơn ông Đồng Xuân H, nơi cư trú tại địa chỉ: Hẻm 227, tổ 16, khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa theo quy định tại **khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Minh Ch về việc yêu cầu bị đơn ông Đồng Xuân H cùng vợ là bà Nguyễn Thuý Nh phải trả số tiền nợ gốc 1.020.000.000đ và tiền lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 26/7/2020, bà Ch có cho vợ chồng ông H, bà Nh vay số tiền là 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng. Đến ngày 19/8/2020, vợ chồng ông H, bà Nh tiếp tục vay thêm của bà Ch số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng. Cả 02 giấy vay tiền nêu trên (Giấy vay tiền ngày 26/7/2020 và ngày 19/8/2020), tại phần ký tên, ghi rõ họ tên của “Bên vay” có đầy đủ chữ ký và chữ viết họ và tên của ông Đồng Xuân H và bà Nguyễn Thuý Nh.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông H và bà Nh; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có kèm theo bản sao Đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền ngày 26/7/2020 và giấy vay tiền ngày 19/8/2020; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bên bị đơn (ông H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nh) không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện, nên được xem như ông H, bà Nh từ bỏ quyền của mình. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà Nh cùng có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc 1.020.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi xét thấy:

Cả hai giấy vay tiền (giấy vay tiền ngày 26/7/2020 và giấy vay tiền ngày 19/8/2020) tại mục lãi suất các bên thoả thuận ghi rõ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng:

- Giấy vay tiền ngày 26/7/2020 ghi: *“Thời điểm vay bắt đầu từ ngày 26/8/2020, tiền lãi bắt đầu từ ngày hôm nay; thời hạn vay 03 tháng; tiền lãi được trả vào ngày 26 hàng tháng; tiền gốc được trả vào ngày 26/10/2020”*;

- Giấy vay tiền ngày 19/8/2020 ghi: *“Thời điểm vay bắt đầu từ ngày 19/8/2020, tiền lãi bắt đầu từ ngày hôm nay; thời hạn vay 03 tháng; tiền lãi được trả vào ngày 19 hàng tháng; tiền gốc được trả vào ngày 19/11/2020”*.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định: *“ Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... ”*.

Xét thấy, việc các bên thoả thuận tiền lãi 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng đối với từng khoản tiền vay, tương đương với mức lãi suất từ 0,961%/tháng đến 01%/tháng, cụ thể: khoản tiền vay 520.000.000đ tương đương với mức lãi suất là

0,961%/tháng; khoản tiền vay 500.000.000đ tương đương với mức lãi suất là 01%/tháng. Như vậy, mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định, nên được chấp nhận (mức lãi suất 20%/năm, tương đương là 1,66%/tháng).

Do đến hạn trả nợ nhưng ông H, bà Nh không trả tiền lãi, nay bà Ch yêu cầu ông H, bà Nh phải tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận nêu trên kể từ ngày vay cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Đối với khoản vay ngày 26/7/2020, đúng ra tiền lãi được tính từ ngày vay (ngày 26/7/2020), nhưng tại mục “*Thời điểm vay*” trong giấy vay tiền lại ghi “*bắt đầu từ ngày 26/8/2020, tiền lãi bắt đầu từ ngày hôm nay*”, theo bà Ch trình bày là do ông H ghi sai bà không để ý, tuy nhiên tại Toà án bà Ch đồng ý chỉ yêu cầu tính tiền lãi của khoản vay 520.000.000đ kể từ ngày 26/8/2020, xét thấy có lợi cho ông H, bà Nh, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Ch.

Vậy, số tiền lãi của các khoản vay được tính, như sau:

+ Đối với số tiền vay 520.000.000đ (từ ngày 26/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/4/2022 là 19 tháng 29 ngày). Cụ thể số tiền lãi là:  $(19 \text{ tháng} \times 5.000.000\text{đ}) + [(5.000.000\text{đ} : 30 \text{ ngày}) \times 29 \text{ ngày}] = 99.833.000\text{đ} (1);$

+ Đối với số tiền vay 500.000.000đ (từ ngày 19/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/4/2022 là 20 tháng 06 ngày). Cụ thể số tiền lãi là:  $(20 \text{ tháng} \times 5.000.000\text{đ}) + [(5.000.000\text{đ} : 30 \text{ ngày}) \times 06 \text{ ngày}] = 101.000.000\text{đ} (2);$

Tổng cộng tiền lãi:  $(1) + (2) = 200.833.000\text{đ}.$

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Minh Ch.

Về nghĩa vụ trả nợ, xét thấy cả 02 giấy vay tiền (Giấy vay tiền ngày 26/7/2020 và ngày 19/8/2020), tại phần ký tên của “Bên vay” đều có đầy đủ chữ ký và chữ viết họ và tên của ông H và bà Nh. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bị đơn ông Đồng Xuân H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thuý Nh cùng có nghĩa vụ chung phải trả cho bà Tô Thị Minh Ch số tiền nợ tổng cộng là 1.220.833.000đ (Trong đó tiền nợ gốc 1.020.000.000đ, tiền lãi là 200.833.000đ).

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể:  $36.000.000\text{đ} + (420.833.000\text{đ} \times 3\%) = 48.625.000\text{đ} (\text{làm tròn số}).$

Hoàn trả cho bà Tô Thị Minh Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000450 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Minh Ch về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc ông Đồng Xuân H và bà Nguyễn Thuý Nh cùng có nghĩa vụ chung phải trả cho bà Tô Thị Minh Ch số tiền nợ 1.220.833.000đ (*Một tỷ, hai trăm hai mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc 1.020.000.000đ, tiền lãi là 200.833.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **2. Về án phí:**

- Buộc ông Đồng Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 48.625.000đ (*Bốn mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bà Tô Thị Minh Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.300.000đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000450 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Tô Thị Minh Ch, ông Đồng Xuân H và bà Nguyễn Thuý Nh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Văn Hùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**